



Số:041306/MT/031306/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 26/06/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Không khí 1 (Khu vực công bảo vệ)
Tọa độ: 0559515/1134516
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 13/06/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 13/06/2024 đến 24/06/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH PHÚ NÔNG**
QL91, KV. Qui Thạnh 1, P. Trung Kiên, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không Có Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường 031306
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 10h00 - 11h00 ngày 13/06/2024 tại Công ty TNHH Phú Nông - QL 91, KV. Qui Thạnh 1, P. Trung Kiên, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Hàm lượng SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	104,18
2	Hàm lượng NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137: 2009	39,51
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	79,88
4	Hàm lượng CO	µg/Nm ³	HD 15 - MT-3.7.2	8.718
5	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	60,2
6	Hàm lượng NH ₃	µg/Nm ³	TCVN 5293:1995	< 51 ^(a)
7	Hàm lượng Benzen	µg/Nm ³	NIOSH Method 1501	< 15,0 ^(a)
8	Hàm lượng Toluene	µg/Nm ³	NIOSH Method 1501	< 150 ^(a)
9	Hàm lượng Xylen	µg/Nm ³	NIOSH Method 1501	< 150 ^(a)

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - ^(a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



Số:051306/MT/031306/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 26/06/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Không khí 2 (Khu vực kho thuốc)
Tọa độ: 0559544/1134536
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 13/06/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 13/06/2024 đến 24/06/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH PHÚ NÔNG**
QL91, KV. Qui Thạnh 1, P. Trung Kiên, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không Có Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường 031306
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 10h00 - 11h00 ngày 13/06/2024 tại Công ty TNHH Phú Nông - QL 91, KV. Qui Thạnh 1, P. Trung Kiên, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Hàm lượng SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	114,64
2	Hàm lượng NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137: 2009	41,52
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	91,58
4	Hàm lượng CO	µg/Nm ³	HD 15 - MT-3.7.2	8.985
5	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	65,4
6	Hàm lượng NH ₃	µg/Nm ³	TCVN 5293:1995	54,35
7	Hàm lượng Benzen	µg/Nm ³	NIOSH Method 1501	< 15,0 ^(a)
8	Hàm lượng Toluene	µg/Nm ³	NIOSH Method 1501	< 150 ^(a)
9	Hàm lượng Xylen	µg/Nm ³	NIOSH Method 1501	< 150 ^(a)

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - ^(a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

GIÁM ĐỐC
PHỔ GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Tú

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



Số:061306/MT/031306/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 26/06/2024
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải sinh hoạt (Hồ gom nước thải)
Tọa độ: 0559643/1134615
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 2,2 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 13/06/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 13/06/2024 đến 24/06/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH PHÚ NÔNG**
QL91, KV. Qui Thạnh 1, P. Trung Kiên, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không Có Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường 031306
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 10h00 - 11h00 ngày 13/06/2024 tại Công ty TNHH Phú Nông - QL 91, KV. Qui Thạnh 1, P. Trung Kiên, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	< 1,8 ^(a)
2	pH	-	TCVN 6492:2011	7,49 (tại 29,8°C)
3	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	20
4	Hàm lượng Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2023	< 0,06 ^(a)
5	Hàm lượng chất rắn lơ lửng	mg/L	SMEWW 2540D:2023	11,00
6	Hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,72
7	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	11
8	Hàm lượng dầu mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	< 2,70 ^(a)

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - ^(a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử; - Xem tiếp KQTN trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



Số:061306/MT/031306/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 26/06/2024
Trang: 2/2

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	< 2,10 ^(a)
10	Hàm lượng Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	< 0,06 ^(a)
11	Hóa chất BVTV Photpho hữu cơ	µg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	< 0,09 ^(a)
	Chlorpyrifos	µg/L	-	< 0,09 ^(a)
	Chlorpyrifos - Methyl	µg/L	-	< 0,09 ^(a)
	Diazinon	µg/L	-	< 0,09 ^(a)
	Dimethoate	µg/L	-	< 0,09 ^(a)
	Disulfoton	µg/L	-	< 0,09 ^(a)
	Methyl parathion	µg/L	-	< 0,09 ^(a)
	Parathion	µg/L	-	< 0,09 ^(a)
	Famphur	µg/L	-	< 0,09 ^(a)
	Fenamiphos	µg/L	-	< 0,09 ^(a)
	Phorate	µg/L	-	< 0,09 ^(a)
	Tetraethyl Dithiopyrophosphate	µg/L	-	< 0,09 ^(a)
	O,O,O-Triethylthiophosphate	µg/L	-	< 0,09 ^(a)
	Zinophos	µg/L	-	< 0,09 ^(a)
12	Tổng Phenol	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	< 0,0009 ^(a)



- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
- Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.